

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13).

Tro toàn phần

Không quá 6,5 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Định lượng

Tiến hành phương pháp Định lượng tinh dầu trong dược liệu (Phụ lục 12.7).

Cho 50 g dược liệu đã được cắt nhỏ vào bình cầu dung tích 500 ml của bộ dụng cụ định lượng tinh dầu trong dược liệu. Thêm 300 ml nước, tiến hành cất trong 3 h với tốc độ 2,5 ml/min đến 3,5 ml/min.

Dược liệu phải chứa ít nhất 1,0 % tinh dầu, tính theo dược liệu khô kiệt.

Bảo quản

Để nơi khô, mát.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào các kinh phế và tỳ.

Công năng, chủ trị

Phát tán phong hàn, giảm đau, sát trùng. Chủ trị: Cảm mạo phong hàn. Dùng ngoài trị viêm da dị ứng, chàm (thấp chần).

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 10 g. Dạng thuốc sắc. Dùng ngoài lượng thích hợp.

Kiêng kỵ

Cơ thể suy nhược, tân dịch khô, táo bón, ho khan không nên dùng.

TRẮC BÁCH DIỆP

Platycladi Cacumen

Trắc bá

Cành non và lá được làm khô của cây Trắc bá [*Platycladus orientalis* (L.) Franco], họ Hoàng đàn (Cupressaceae). Thu hái vào mùa hạ và thu. Cắt lấy cành non và lá, phơi trong râm đến khô.

Mô tả

Dược liệu thường phân thành nhiều nhánh, các cành nhỏ dẹt, phẳng. Các lá hình vẩy nhỏ, xếp đối chéo chữ thập, dính sát vào cành, màu xanh lục thẫm hoặc xanh lục hơi vàng. Chất giòn, dễ gãy. Có mùi thơm nhẹ, vị đắng, chát và hơi cay.

Bột

Màu xanh lục hơi vàng. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Các tế bào biểu bì trên của lá hình chữ nhật, thành hơi dày lên. Tế bào biểu bì dưới hình gần vuông, có nhiều lỗ khí, lõm xuống, các tế bào phụ trợ tương đối lớn, nhìn nghiêng có hình quả tạ. Các tế bào mô mềm chứa các giọt dầu nhỏ.

Sợi mảnh dẹt, đường kính khoảng 18 μm . Đôi khi có các quản bào có lỗ viền (tế bào hình ống viền lõm vào).

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel H có dung dịch natri carboxymethylcellulose (TT) 0,2 % đến 0,5 % để tráng bản mỏng.

Dung môi khai triển: Cyclohexan - ethyl acetat - acid formic (9 : 1 : 0,5).

Dung dịch thử: Lấy 3 g bột dược liệu, thêm 50 ml ethanol 70 % (TT) và 3 ml acid hydrochloric (TT), đun sôi hồi lưu 3 h, lọc, dịch lọc để chấm sắc ký.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan quercetin chuẩn trong ethanol 95 % (TT) để được dung dịch có nồng độ 0,5 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μl dung dịch thử và 1 μl dung dịch chất đối chiếu. Triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch nhôm clorid 1 % trong ethanol (TT). Quan sát dưới đèn tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với vết quercetin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 11,0 % (Phụ lục 12.13). Dùng 10 g dược liệu cắt nhỏ để thử.

Tạp chất

Không quá 6,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 3,0 % (Phụ lục 9.7).

Chất chiết được trong dược liệu

Không được ít hơn 15,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng ethanol 96 % (TT) làm dung môi.

Định lượng

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3).

Pha động: Methanol - dung dịch kali dihydrophosphat 0,01 M - acid acetic băng (40 : 60 : 1,5).

Dung dịch chuẩn: Hòa tan quercitrosid chuẩn trong methanol (TT) để được dung dịch có nồng độ chính xác khoảng 50 $\mu\text{g/ml}$.

Dung dịch thử: Cân chính xác khoảng 0,5 g bột dược liệu vào bình nón nút mài, thêm chính xác 20,0 ml methanol (TT), đập nút và cân. Siêu âm 30 min, để nguội, đập nút, cân lại và bổ sung methanol (TT) để có khối lượng ban đầu, lắc kỹ và lọc. Lấy dịch lọc làm dung dịch thử.

Điều kiện sắc ký

Cột kích thước (25 cm $\times$ 4,6 mm), được nhồi pha tĩnh C (5 μm) (Cột C18 là thích hợp).

Detector quang phổ tử ngoại đặt ở bước sóng 254 nm.

Tốc độ dòng: 1 ml/min đến 2 ml/min.

Thể tích tiêm: 10 µl.

Cách tiến hành

Tiến hành sắc ký dung dịch chuẩn. Tính số đĩa lý thuyết của cột tính theo pic của quercitrosid. Số đĩa lý thuyết của cột phải không được dưới 1500.

Tiến hành sắc ký dung dịch chuẩn và dung dịch thử. Căn cứ vào diện tích pic thu được từ dung dịch thử, dung dịch chuẩn và hàm lượng $C_{21}H_{20}O_{11}$ của quercitrosid chuẩn để tính hàm lượng quercitrosid trong dược liệu.

Dược liệu phải chứa không được ít hơn 0,1 % quercitrosid ($C_{21}H_{20}O_{11}$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Trắc bách diệp: Rửa sạch bỏ tạp chất và cành nhỏ, thái nhỏ, phơi khô, dùng sống.

Trắc bách diệp thán sao (thường dùng): Cho Trắc bách diệp đã thái nhỏ vào chảo, lúc đầu đun lửa to, khi có mùi thơm giảm nhỏ lửa, sao cháy tòn tính (ngoài cháy đen bên trong vẫn còn màu hồng nhạt).

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô mát, đậy kín.

Dược liệu đã chế biến: Để nơi khô ráo, tránh ẩm mốc mốc, nên dùng trong 60 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, đắng, chát, tính hàn. Vào các kinh can, phế, đại tràng.

Công năng, chủ trị

Bổ âm, lương huyết, chỉ huyết, trừ phong thấp, mụn nhọt. Chủ trị: Dùng dược liệu sao cháy (thán sao) trị thổ huyết, ỉa ra máu, chảy máu cam; đại tiện, tiểu tiện ra máu; trĩ nội chảy máu.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 8 g đến 12 g, thán sao dùng 16 g đến 20 g, dạng thuốc sắc.

Kiêng kỵ

Không phải thấp nhiệt thì không nên dùng.

TRẦN BÌ

Citri reticulatae Pericarpium Perenne

Vỏ quả chín được làm khô và để lâu năm của cây Quýt (*Citrus reticulata* Blanco), họ Cam (Rutaceae). Từ mùa đông năm trước đến mùa xuân năm sau, hái quả chín, bóc lấy vỏ, bỏ hết xơ bên trong, phơi trong bóng râm cho thật khô. Sau đó cần bảo quản đúng cách sau thời gian dài mới dùng (để càng lâu càng tốt).

Mô tả

Vỏ cuốn lại hoặc quấn, dày 0,1 cm đến 0,15 cm, có mảnh còn vết tích của cuống quả. Mặt ngoài màu vàng nâu hay

nâu nhạt, có nhiều chấm màu sẫm hơn và lõm xuống (túi tiết). Mặt trong xốp, màu trắng ngà hoặc hồng nhạt, thường lộn ra ngoài. Vỏ nhẹ, giòn, dễ bẻ gãy. Mùi thơm, vị hơi đắng, hơi cay.

Ghi chú: Loại vỏ khô, mặt ngoài vỏ sần sùi là loại tốt, không nhầm với vỏ cam.

Vị phẫu

Vỏ quả ngoài gồm 1 hàng tế bào nhỏ hình vuông, phía ngoài có lớp cutin và lỗ khí. Mô mềm vỏ quả giữa là những tế bào hình chữ nhật, thành mỏng. Rải rác có các tinh thể calci oxalat hình khối, hình quả trám, túi tiết tinh dầu to tròn hay hình trái xoan. Đôi khi nhìn thấy đám libe-gỗ theo chiều dọc. Lớp trong của vỏ quả giữa cấu tạo bởi những tế bào hơi uốn lượn.

Bột

Tế bào vỏ quả ngoài hình nhiều cạnh, màu vàng nhạt, thành hơi dày. Mảnh mô mềm vỏ quả giữa gồm những tế bào thành mỏng, hình chữ nhật. Mảnh mạch vòng, mạch xoắn. Tinh thể calci oxalat hình khối hay hình quả trám.

Định tính

A. Cho 2 g bột dược liệu vào 1 bình nón 100 ml, thêm 10 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi hồi lưu trong cách thủy 10 min. Lọc lấy dịch lọc, chia làm 3 phần và làm các phản ứng sau:

Lấy 2 ml dịch lọc, thêm một ít bột *magnesi* (TT), 10 giọt *acid hydrochlorid* (TT), sau vài phút sẽ thấy xuất hiện màu đỏ.

Lấy 2 ml dịch lọc, thêm vài giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT), sẽ thấy xuất hiện màu xanh đen.

Lấy 2 ml dịch lọc, thêm vài giọt *dung dịch natri hydroxyd* 5 % (TT), sẽ thấy xuất hiện màu vàng cam kèm theo một ít tủa.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển (1): Ethyl acetat - methanol - nước (100 : 17 : 13).

Dung môi khai triển (2): Toluene - ethyl acetat - acid formic - nước (20 : 10 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 0,3 g bột dược liệu, thêm 20 ml *methanol* (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy khoảng 20 min, để nguội, lọc. Bốc hơi 5 ml dịch lọc đến còn khoảng 1 ml làm dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan hesperidin chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có hesperidin chuẩn, lấy 0,3 g bột Trần bì (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 2 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký với dung môi khai triển (1) đến khi dung môi đi được 3 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Tiếp tục triển khai với hệ dung môi khai triển (2) đến khi dung môi đi được 8 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Phun *dung dịch nhôm*